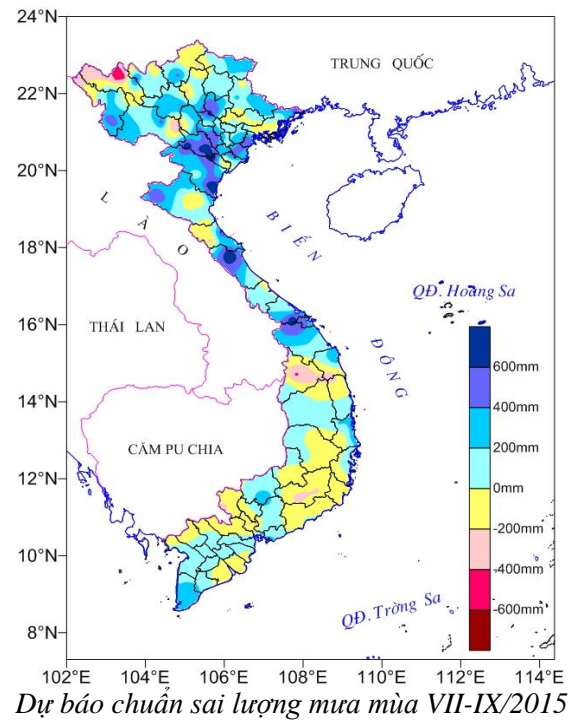
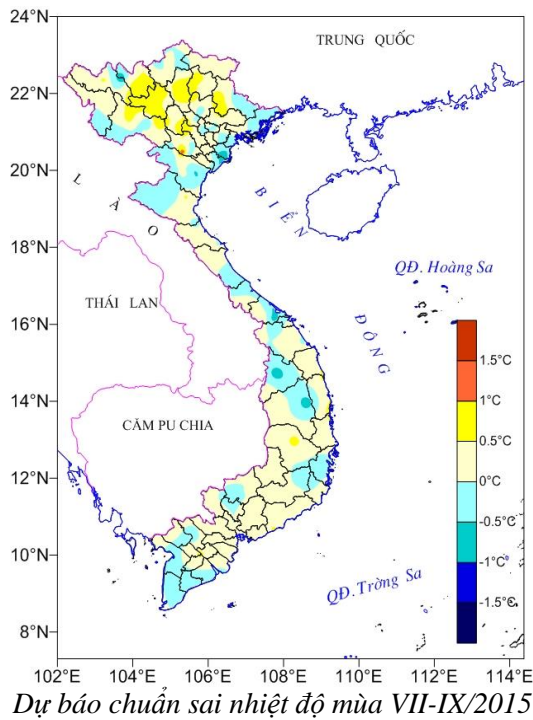




THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU THÁNG VII, VIII, IX NĂM 2015



MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
PHẦN I: TỔNG KẾT KHÍ HẬU	6
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực	6
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam	8
1.2.1. Nhiệt độ	8
1.2.2. Lượng mưa	10
1.2.3. Số giờ nắng	12
1.2.4. Bốc hơi và chỉ số ẩm	13
1.2.5. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt	13
1.2.6. Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn	14
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX NĂM 2015	15
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực	15
2.1.1. Hiện tượng ENSO	15
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực	15
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam	17
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	17
2.2.2. Dự báo lượng mưa	17
2.2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)	17

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu khí tượng - khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Phòng Nghiên cứu Dự báo Khí hậu, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng - khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 04. 62728299.

Email: dubaokhinhau@imh.ac.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BOM	Cục Khí tượng Úc
2	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ
3	CS	Chuẩn sai
4	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu
5	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu
6	KKL	Không khí lạnh
7	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
8	NCC	Trung tâm Khí hậu Quốc gia Úc
9	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
10	NĐCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
11	NĐCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
12	NĐTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
13	NĐTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
14	SNM	Số ngày mưa
15	SOI	Chỉ số dao động nam
16	SST	Nhiệt độ mặt nước biển
17	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển
18	TBD	Thái Bình Dương
19	TC	Tỷ chuẩn
20	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
21	TLM	Tổng lượng mưa
22	TSGN	Tổng số giờ nắng
23	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng V/2015 tại một số trạm tiêu biểu.....	10
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng V/2015 tại một số trạm tiêu biểu	11
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015	20

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng V/2015 (°C)	6
(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)	6
Hình 1.2. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng V/2015 (°C).....	7
(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)	7
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SOI.....	7
(VI/2011 - V/2015)	7
(Nguồn: BOM, tháng VI/2015)	7
Hình 1.4. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực Nino3 (VI/2011- V/2015)	7
(Nguồn: CPC, tháng VI/2015).....	7
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tháng V/2015 (°C) trên khu vực châu Á	7
(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)	7
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng V/2015 (mm) trên khu vực châu Á	7
(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)	7
Hình 1.7. Phân bố nhiệt độ trung bình tháng V/2015 (°C)	9
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng V/2015 (°C)	9
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng V/2015 (°C)	9
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng V/2015 (°C).....	9
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng V/2015 (mm)	11
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng V/2015 (%)	11
Hình 1.13. Phân bố tổng số giờ nắng tháng V/2015 (giờ).....	12
Hình 1.14. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng V/2015 (mm).....	13
Hình 1.15. Phân bố chỉ số ẩm tháng V/2015	13
Hình 2.1. Dự báo SSTA (°C) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015	16
Hình 2.2. Dự báo SSTA (°C) tại NINO3	16
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng VII-IX năm 2015 cho khu vực châu Á	16
Hình 2.4. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015 cho khu vực châu Á... 16	
Hình 2.5. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ (°C) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015	16
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015	16
(Nguồn: ECMWF, tháng VI/2015).....	16
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng VII-IX năm 2015 ... 18	
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015	19

PHẦN I: TỔNG KẾT KHÍ HẬU

Phần “**Tổng kết khí hậu**” trình bày diễn biến khí hậu trên thế giới, khu vực và ở Việt Nam trong **tháng V/2015**. Nguồn số liệu và thông tin chủ yếu được thu thập từ Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC), Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), Cục Khí tượng Úc (BOM).

1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực

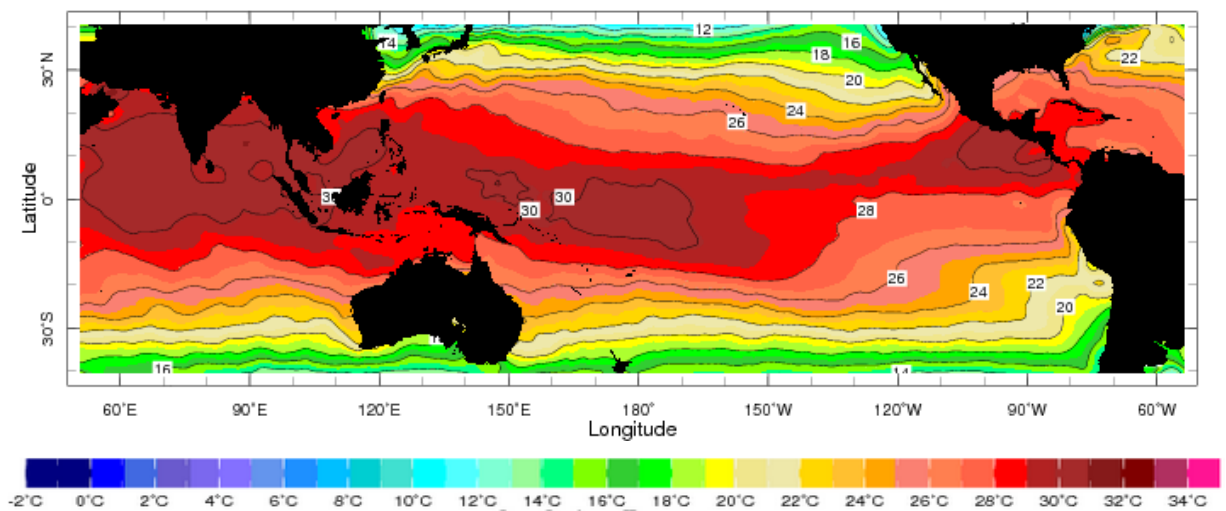
Hiện tượng ENSO: Bản tin của CPC ngày 11/VI/2015 cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển tăng lên ở trung tâm và phía Đông xích đạo TBD. Cũng trên khu vực xích đạo TBD, dị thường gió Tây duy trì ở tầng thấp và gió Đông ở trên cao. Chỉ số dao động Nam (SOI) có giá trị âm. Nhìn chung, các điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh El Nino tiếp tục hoạt động mạnh lên trong tháng V/2015.

Theo kết quả của BOM, trong tháng V/2015, áp cao lục địa châu Á không còn ảnh hưởng đến khu vực Đông Dương; áp thấp Ấn - Miên phát triển và tăng cường ảnh hưởng đến khu vực Đông Á. Gió mùa mùa hè bắt đầu hoạt động; gió mùa mùa đông hầu như không còn hoạt động.

Tổng kết của IRI về diễn biến khí hậu khu vực châu Á trong tháng V/2015 cho thấy:

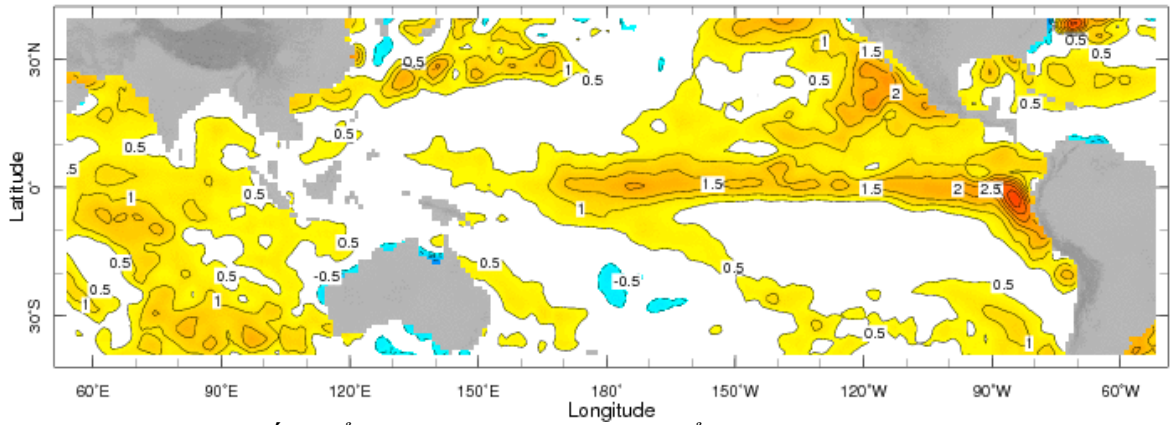
Nhiệt độ tháng V/2015 đạt giá trị từ cận đến vượt chuẩn ở hầu hết diện tích khu vực, với chuẩn sai từ 0 đến trên 6°C; hụt chuẩn ở một phần diện tích Đông Bắc Liên bang Nga (Hình 1.5).

Lượng mưa vượt chuẩn từ 0 đến trên 100mm ở một phần diện tích các khu vực thuộc Tây Á, phía Nam Liên bang Nga, Trung Quốc và Nam Ấn Độ; lượng mưa hụt chuẩn từ 0 đến trên 100mm ở phía Bắc Liên bang Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, một phần nhỏ diện tích Ấn Độ và hầu hết diện tích Đông Nam Á (Hình 1.6).



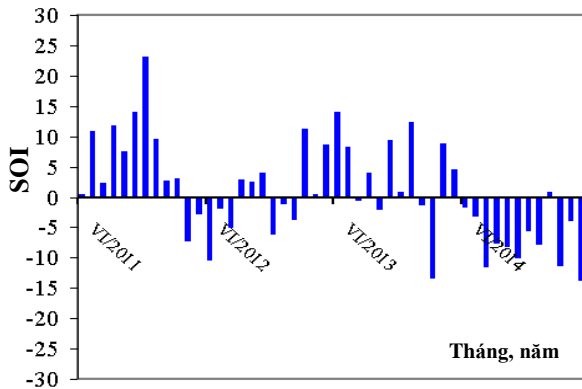
Hình 1.1. Phân bố nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng V/2015 (°C)

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



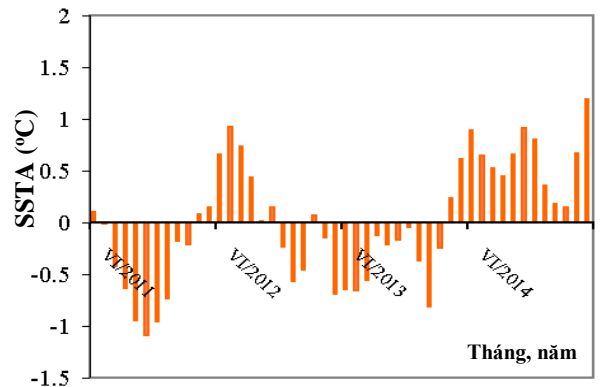
Hình 1.2. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng V/2015 (°C)

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



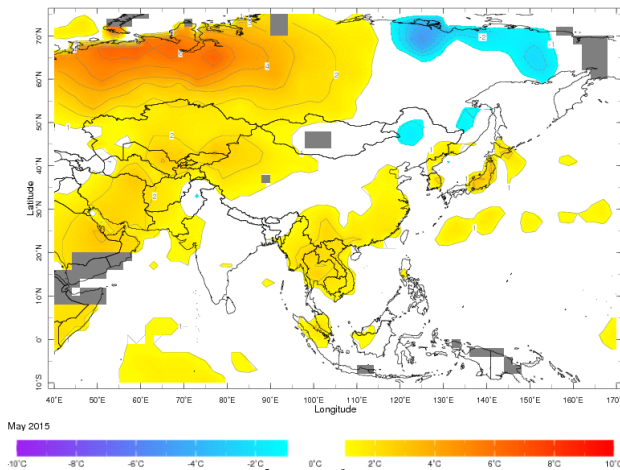
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SOI (VI/2011 - V/2015)

(Nguồn: BOM, tháng VI/2015)



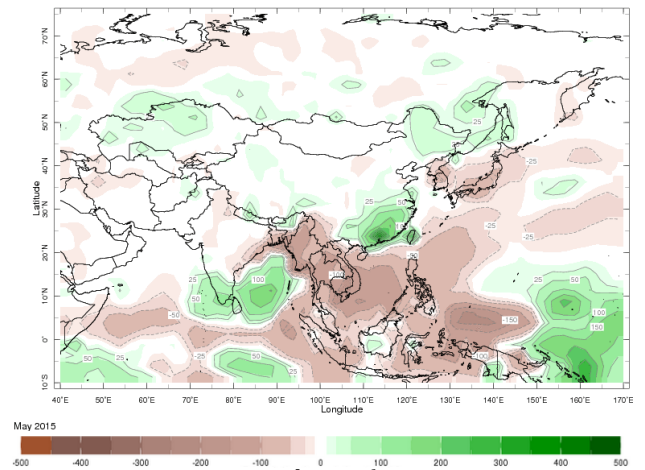
Hình 1.4. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực Niño3 (VI/2011- V/2015)

(Nguồn: CPC, tháng VI/2015)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tháng V/2015 (°C) trên khu vực châu Á

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng V/2015 (mm) trên khu vực châu Á

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)

1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

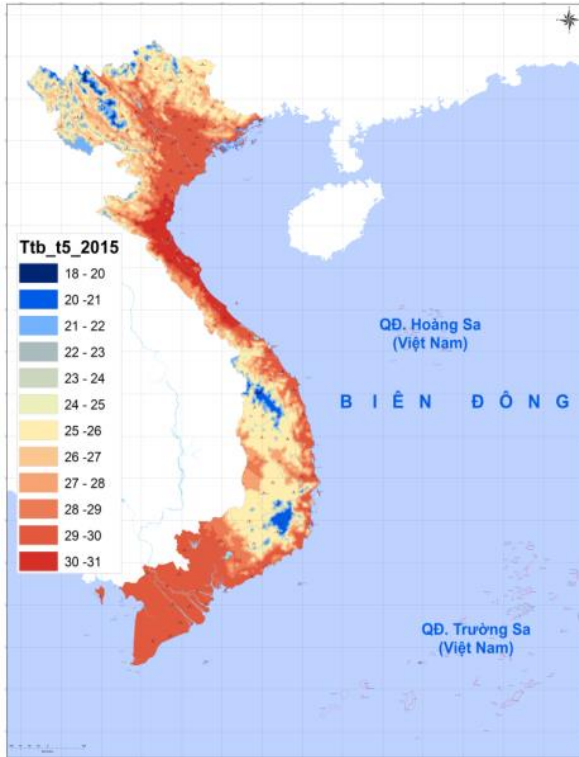
1.2.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ) tháng V/2015: Theo số liệu quan trắc, nhiệt độ trung bình ở nước ta dao động từ trên 20 đến xấp xỉ 32°C. Trong đó, nhiệt độ phổ biến ở khu vực vùng núi Bắc Bộ và Tây Nguyên là 25 đến 29°C; khu vực đồng bằng Bắc Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ là 29 đến 30°C; Bắc Trung Bộ có nhiệt độ trung bình tháng V/2015 cao nhất cả nước, giá trị phổ biến là 30 đến gần 32°C (Bảng 1.1, Hình 1.7).

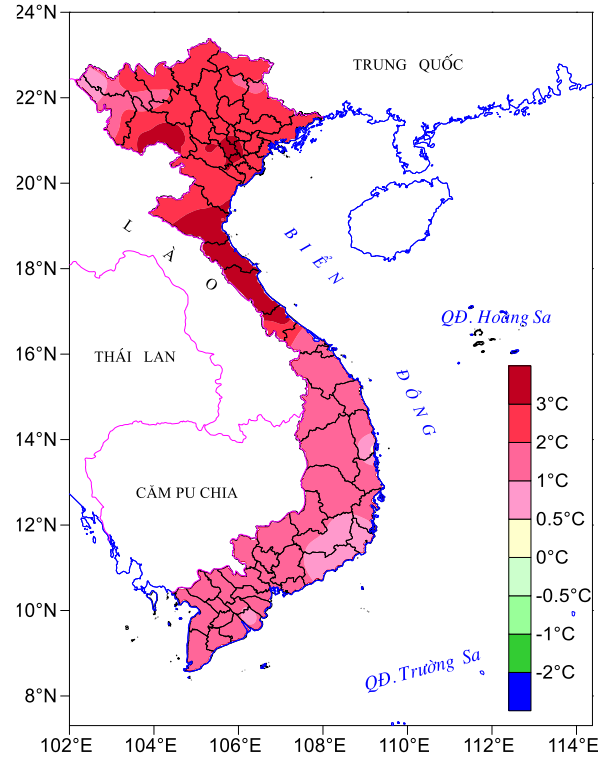
NĐTĐ tháng V/2015 vượt chuẩn từ dưới 0,5 đến trên 4°C trên phạm vi cả nước. Đáng chú ý, khu vực từ Nam Nghệ An đến Bắc Hà Tĩnh có chuẩn sai của NĐTĐ trên 3°C (Bảng 1.1, Hình 1.8).

Nhiệt độ tối cao trung bình tháng V có giá trị từ gần 25,5 đến xấp xỉ 39°C, vượt chuẩn từ dưới 0,5 đến xấp xỉ 5°C trên hầu hết diện tích lãnh thổ (Bảng 1.1, Hình 1.9); riêng tại Quy Nhơn (Bình Định) hụt chuẩn khoảng 1,2°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) dao động từ 27 đến trên 41,5°C, thấp hơn số liệu lịch sử từ dưới 0,5 đến 4°C. Trị số lớn nhất của NĐTCTĐ đo được là 41,7°C tại Quỳnh Hợp (Nghệ An) vào ngày 30/V/2015.

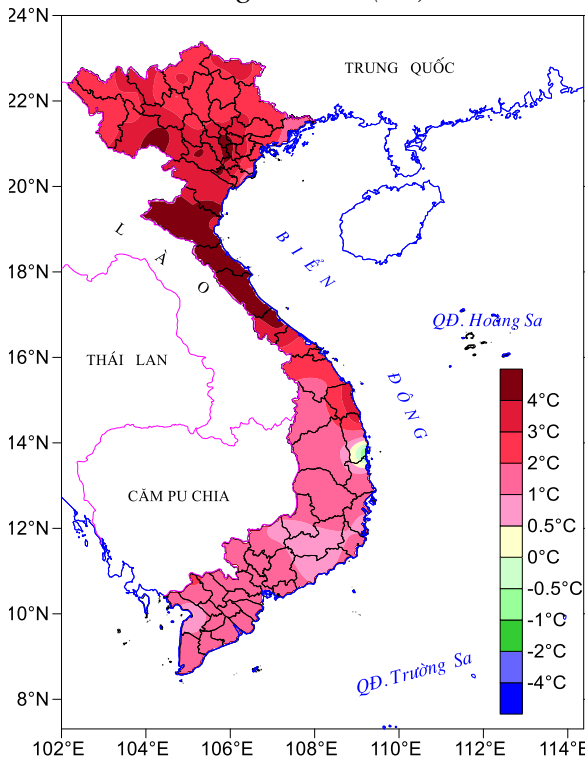
Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) tháng V có giá trị từ 17 đến trên 28,5°C, vượt chuẩn phổ biến từ dưới 0,5 đến trên 3,5°C ở hầu khắp diện tích cả nước (Bảng 1.1, Hình 1.10); riêng tại trạm Mường Tè hụt chuẩn khoảng 0,2°C. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) tháng V có giá trị từ 15 đến trên 26°C, cao hơn số liệu lịch sử từ trên 2 đến xấp xỉ 11°C và trị số thấp nhất là 15°C đo được tại Đà Lạt vào ngày 2/V/2015.



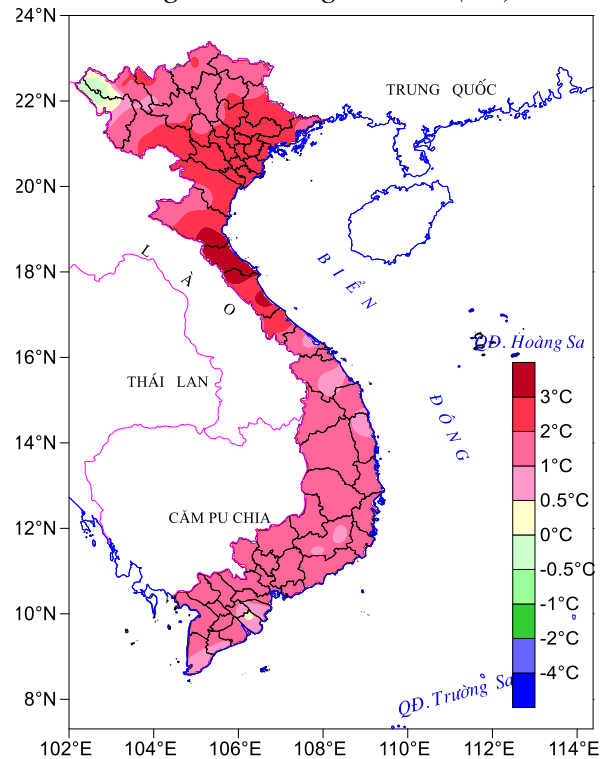
Hình 1.7. Phân bố nhiệt độ trung bình tháng V/2015 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng V/2015 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng V/2015 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng V/2015 (°C)

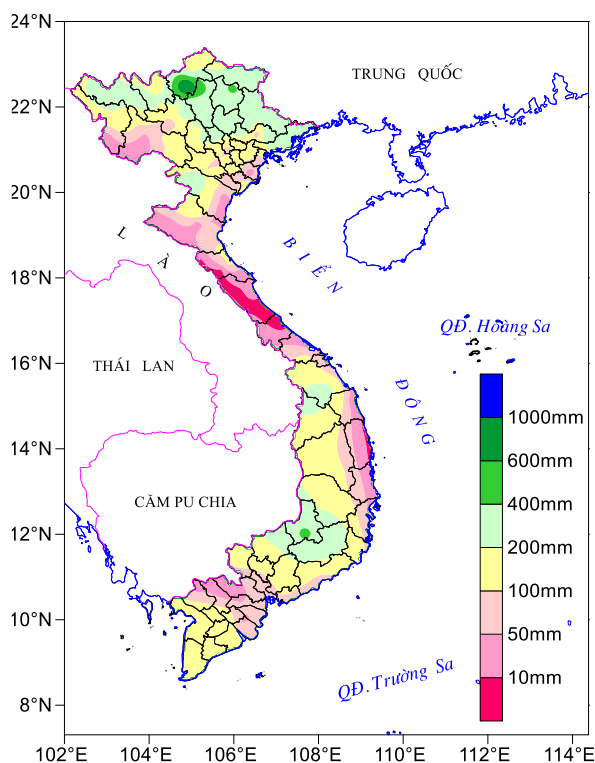
Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng V/2015 tại một số trạm tiêu biểu

STT	Trạm	Nhiệt độ trung bình		Nhiệt độ tối cao		Nhiệt độ tối thấp	
		NĐTB	CS	NĐCTB	CS	NĐTTTB	CS
1	Điện Biên	27,0	1,5	33,8	2,4	22,9	1,1
2	Sơn La	27,5	2,7	33,8	3,4	22,7	1,8
3	Sa Pa	21,3	2,5	25,3	3,0	18,2	2,0
4	Bắc Quang	28,9	2,3	34,9	3,3	25,0	1,6
5	Lạng Sơn	28,0	2,6	32,1	2,1	24,5	2,6
6	Thái Nguyên	29,3	2,3	33,9	2,7	26,2	2,1
7	Láng	30,6	3,2	36,0	4,7	27,4	2,8
8	Bãi Cháy	28,9	2,1	31,9	2,0	27,0	2,5
9	Phù Liên	28,9	2,4	33,2	2,7	26,4	2,4
10	Thanh Hoá	29,9	2,6	34,6	3,4	27,0	2,4
11	Vinh	31,7	4,0	36,7	4,6	28,2	3,4
12	Huế	29,5	1,3	36,1	2,8	24,9	0,6
13	Đà Nẵng	29,9	1,7	35,8	2,7	26,3	1,4
14	Quy Nhơn	29,6	0,3	32,6	-1,2	27,6	1,4
15	Nha Trang	25,2	1,3	30,6	1,3	21,8	1,4
16	Phan Thiết	27,1	1,4	33,5	1,5	23,2	1,2
17	Plây cu	20,1	0,7	25,6	1,0	17,0	0,9
18	B.M. Thuật	29,6	1,1	33,2	0,9	27,1	1,6
19	Đà Lạt	29,4	0,8	33,3	0,7	27,1	1,4
20	Tân Sơn Hoà	30,1	1,1	35,6	1,6	26,4	1,2
21	Vũng Tàu	30,3	1,5	33,9	1,8	27,7	1,2
22	Rạch Giá	29,9	1,1	32,6	0,4	27,3	1,3
23	Cần Thơ	29,5	1,6	34,6	1,7	26,5	1,4
24	Cà Mau	29,7	1,6	34,7	1,5	26,2	1,0

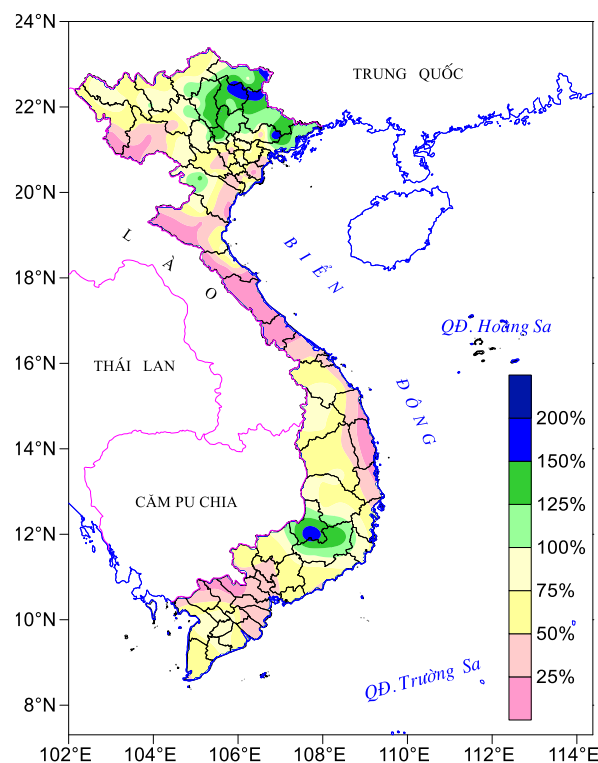
1.2.2. Lượng mưa

Trong tháng V, trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ có tổng lượng mưa (TLM) dưới 200mm; khu vực Việt Bắc, Đông Bắc và Nam Tây Nguyên có lượng mưa phổ biến từ 200 đến 400 mm. Một số nơi có TLM trên 400mm là Bắc Quang (986mm), Ngân Sơn (476mm) và Đắk Nông (446mm). Nhìn chung, lượng mưa tháng V/2015 hụt chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước (tỷ chuẩn phân bố chủ yếu từ dưới 25 đến gần 100%). Bên cạnh đó, một số khu vực có lượng mưa vượt chuẩn như vùng núi Đông Bắc và Nam Tây Nguyên, với tỷ chuẩn phổ biến khoảng từ 100 đến 150% (Bảng 1.2, Hình 1.11, Hình 1.12). Nơi có tỷ chuẩn lượng mưa lớn nhất là Ngân Sơn (201,3%) và thấp nhất là Hương Khê (1,9%) và Quy Nhơn (3,3%) .

Số ngày mưa trong tháng V hụt chuẩn phổ biến từ 1 đến 10 ngày ở hầu hết diện tích cả nước (Bảng 1.2); vượt chuẩn từ 1 đến gần 5 ngày xảy ra ở một vài nơi trên lãnh thổ. Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong tháng V phổ biến từ 15 đến 80mm và trị số LMNLN đo được là 229mm tại trạm Bắc Quang vào ngày 27/V/2015.



Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng V/2015 (mm)



Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng V/2015 (%)

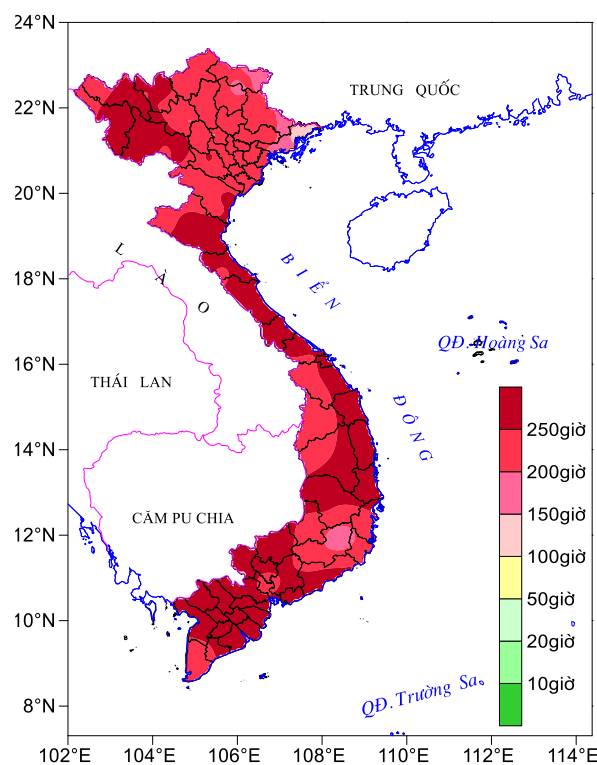
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng V/2015 tại một số trạm tiêu biểu

STT	Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN
		TLM	TC	SNM	CS	
1	Điện Biên	31	14,9	13	-4,9	30
2	Sơn La	43	21,4	10	-8,1	14
3	Sa Pa	298	83,0	21	-2,4	56
4	Bắc Quang	986	120,3	21	-1,6	229
5	Lạng Sơn	198	107,4	13	-1,1	46
6	Thái Nguyên	248	99,5	13	-2,9	45
7	Láng	74	39,0	11	-3,8	30
8	Bãi Cháy	187	106,7	12	0,6	72
9	Phù Liên	86	43,5	16	3,5	39
10	Thanh Hoá	36	24,8	7	-5,5	16
11	Vinh	120	92,6	1	-10,0	120
12	Huế	40	37,3	10	-3,8	17
13	Đà Nẵng	35	38,3	3	-6,8	20

STT	Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN
		TLM	TC	SNM	CS	
14	Quy Nhơn	3	3,3	1	-7,7	3
15	Nha Trang	39	56,1	1	-7,5	39
16	Phan Thiết	67	48,1	8	-4,7	37
17	Plây cu	134	58,1	16	-2,5	60
18	B.M. Thuật	169	66,1	17	-2,5	57
19	Đà Lạt	282	140,0	21	1,5	65
20	Tân Sơn Hoà	85	43,9	6	-11,8	42
21	Vũng Tàu	100	53,4	11	-3,6	29
22	Rạch Giá	197	83,1	11	-5,5	61
23	Cần Thơ	168	103,4	11	-4,1	30
24	Cà Mau	131	51,5	14	-3,8	31

1.2.3. Số giờ nắng

Trong tháng V/2015, trên đa phần diện tích nước ta có tổng số giờ nắng (TSGN) lớn hơn 250 giờ. Khu vực Đông Bắc và Tây Nguyên có TSGN phổ biến từ 200 đến 250 giờ. Một số nơi có TSGN trên 300 giờ như: Phú Quý (323 giờ), Tuy Hòa (306 giờ) và Quy Nhơn (302 giờ). Nơi có TSGN thấp nhất là ở Tiên Yên (Quảng Ninh), với giá trị đo được là 126 giờ. TSGN tháng V vượt chuẩn từ 50 đến 100 giờ trên phần lớn diện tích phía Bắc và khu vực Tây Nam Bộ; vượt chuẩn từ 1 đến 50 giờ ở đồng bằng Bắc Bộ và đa phần diện tích phía Nam.

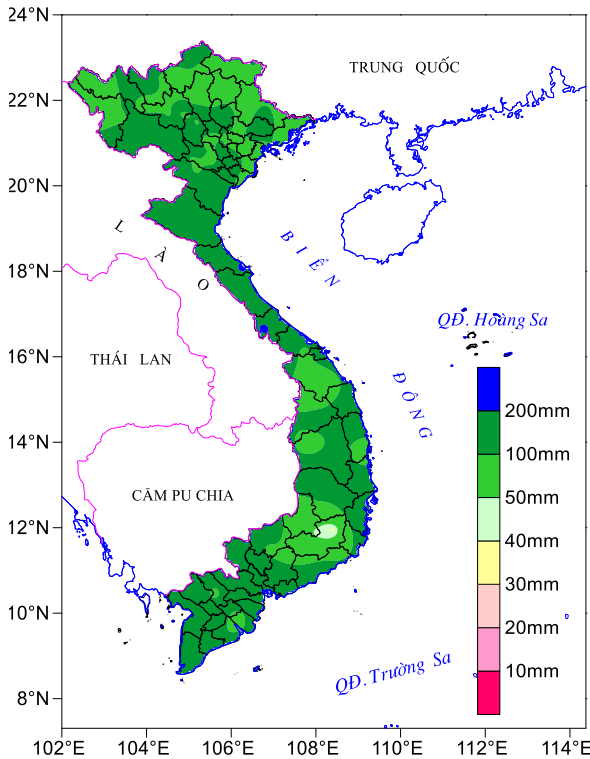


Hình 1.13. Phân bố tổng số giờ nắng tháng V/2015 (giờ)

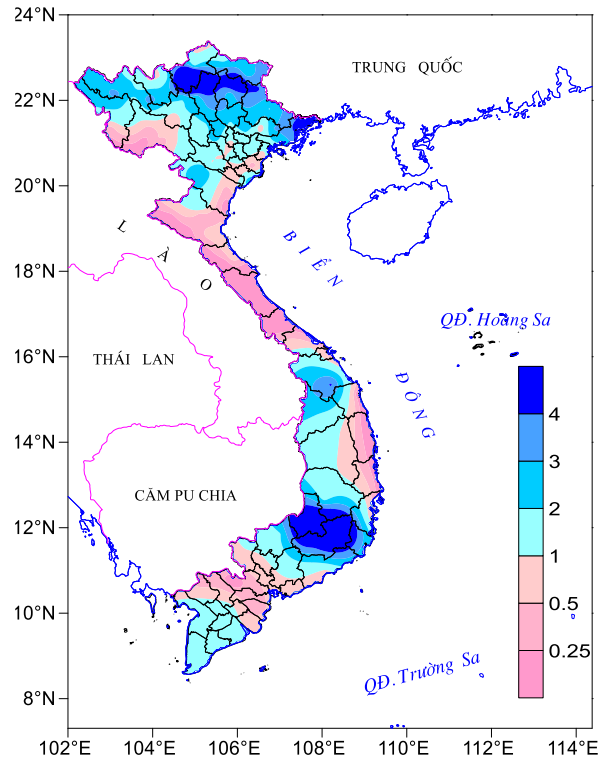
1.2.4. Bốc hơi và chỉ số ẩm

Trong tháng V/2015, tổng lượng bốc hơi chủ yếu dao động trong khoảng từ 50 đến 200mm ở hầu khắp diện tích cả nước; vượt chuẩn từ 1 đến 100mm ở đại bộ phận diện tích lãnh thổ; hụt chuẩn từ 1 đến gần 50 mm xảy ra chủ yếu ở Tây Nguyên.

Chỉ số ẩm K (tỷ số giữa TLM và TLBH) trong tháng V trên đại bộ phận diện tích Bắc Bộ, Tây Nguyên và phần nhỏ diện tích Nam Bộ có giá trị từ 1 đến lớn hơn 4; K nhỏ hơn 1 ở một phần diện tích Tây Bắc, phần lớn diện tích thuộc Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 1.15).



Hình 1.14. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng V/2015 (mm)



Hình 1.15. Phân bố chỉ số ẩm tháng V/2015

1.2.5. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt

Mưa đá, dông lốc: Theo số liệu thống kê trên quy mô cả nước, có 12 trận dông lốc, mưa đá xảy ra trong tháng qua. Trong các ngày từ 29/IV đến 5/V/2015, đã xảy ra 5 trận dông lốc, mưa đá ở các địa phương như Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Tương Dương, Anh Sơn, Quế Phong và Con Cuông (Nghệ An); với ước tính thiệt hại vào khoảng gần 28 tỷ đồng. Ngày 10/V/2015, xảy ra 2 trận lốc xoáy tại 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh (Quảng Trị) làm 150 ngôi nhà bị tốc mái. Ngày 19/V/2015, lốc xoáy làm 6 người bị thương tại Bình Đại (Bến Tre). Ngày 24/V/2015, dông sét làm 2 người chết tại Yên Định (Thanh Hóa). Ngày 25/V/2015, dông sét làm 4 người chết, 3 người bị thương ở Tam Điệp (Ninh Bình). Ngày 31/V/2015, lốc xoáy làm gần 200 ngôi nhà bị tốc mái ở Thanh Lộc (Hà Tĩnh). Cũng trong ngày 31/V/2015, lốc xoáy làm trên 100 ngôi nhà sập và tốc mái ở Anh Sơn (Nghệ An).

Nắng nóng: Trong tháng V/2015 có 2 đợt nắng nóng kéo dài xảy ra ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Từ ngày 1 đến ngày 8/V/2015, nắng nóng diện rộng xảy ra ở Bắc Bộ và Trung Bộ, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35 - 38°C; khu vực miền núi phía Tây Nghệ An có nhiệt độ trên 40°C. Từ ngày 18 đến 31/V/2015, nắng nóng gay gắt xảy ra ở Bắc Bộ, với nhiệt độ tối cao phổ biến 38 - 40°C; còn ở Trung Bộ xảy ra từ 14 đến 31/V/2015, với nhiệt độ tối cao phổ biến 39 - 41°C.

Hạn hán: Hạn hán tiếp tục xảy ra ở cực Nam Trung Bộ.

1.2.6. Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn

Trong V/2015, thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn chủ yếu là do dông lốc, mưa đá và hạn hán gây ra làm 8 người chết, 9 người bị thương, gần 1.300 ngôi nhà bị đổ, hư hỏng, tốc mái và nhiều thiệt hại khác. Theo số liệu ước tính, thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn vào khoảng trên 29 tỷ đồng (riêng 5 trận dông, lốc xoáy ở Nghệ An thiệt hại 28 tỷ).

Tóm lại, qua những phân tích ở trên có thể rút ra một số nhận xét chính về diễn biến của khí hậu tháng V/2015 ở khu vực Việt Nam:

- Nhiệt độ trung bình ở nước ta dao động từ trên 20 đến xấp xỉ 32°C, vượt chuẩn từ dưới 0,5 đến lớn hơn 4°C trên phạm vi cả nước, trong đó khu vực từ Nam Nghệ An đến Bắc Hà Tĩnh có chuẩn sai của NĐTB trên 3°C;
- Tháng V/2015, trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ có lượng mưa dưới 200mm; khu vực Việt Bắc, Đông Bắc và Nam Tây Nguyên có lượng mưa phổ biến từ 200 đến 400 mm. Lượng mưa hụt chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước (tỷ chuẩn từ dưới 25 đến nhỏ hơn 100%); lượng mưa vượt chuẩn chủ yếu ở vùng núi Đông Bắc và Nam Tây Nguyên (tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 150%).
- Các hiện tượng cực đoan: Trong tháng V, ở nước ta đã xảy ra 12 trận dông lốc, mưa đá và có 2 đợt nắng nóng ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII, VIII NĂM 2015

Nội dung chính của Phần II được xây dựng dựa trên kết quả tổng hợp thông tin từ IRI, CPC, BOM, Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF) và kết quả dự báo bằng mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực

2.1.1. Hiện tượng ENSO

Bản tin của CPC/IRI ngày 11/VI/2015 cho thấy: Các điều kiện khí quyển và đại dương trong tháng VI đã phản ánh El Nino liên tục được tăng cường, với SSTA vượt 1,0°C trên tất cả các khu vực NINO. Dự báo về ENSO của CPC/IRI là 97% khả năng El Nino tiếp tục duy trì đến mùa thu ở Bắc Bán Cầu và 85% kéo dài đến hết mùa đông 2015 - 2016.

Dự báo của IRI đối với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trong mùa 3 tháng VII-IX năm 2015: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA có giá trị từ 0,25 đến trên 2°C. Khu vực xích đạo Ấn Độ Dương, SST vượt chuẩn từ 0,25 đến trên 1°C. Trên khu vực xích đạo Đại Tây Dương, SSTA dao động từ -0,5 đến 1°C. Trên Biển Đông, SSTA dao động từ khoảng 0,25 đến 0,5°C (Hình 2.1).

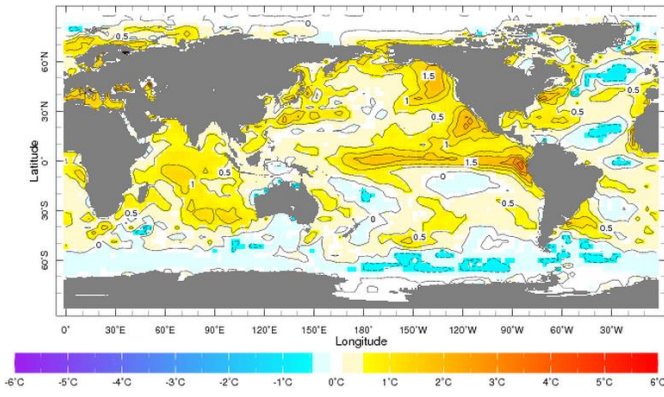
Dự báo SSTA tại khu vực NINO3 của ECMWF trong mùa 3 tháng VII - IX có giá trị dao động từ 1,5 đến gần 2°C và có khả năng tăng lên vào các tháng tiếp theo (Hình 2.2). Tổng hợp các mô hình dự báo ENSO của Trung tâm Khí hậu Quốc gia Úc (NCC) cho thấy trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương nhiều khả năng El Nino tiếp tục duy trì trong các tháng tiếp theo.

Tóm lại, El Nino tiếp tục duy trì và nhiều khả năng mạnh lên trong mùa 3 tháng VII-IX năm 2015.

2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực

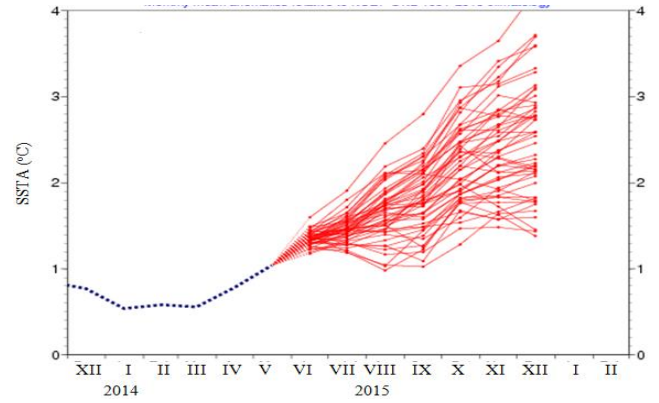
Nhiệt độ: Kết quả dự báo của IRI cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên hầu hết diện tích châu Á với xác suất khoảng 40-70%. Đối với lãnh thổ Việt Nam, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên phạm vi cả nước với xác suất khoảng từ 60 đến 70% (Hình 2.3). Kết quả dự báo của ECMWF cũng cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn từ 0 đến 1°C ở hầu khắp diện tích Nam Á. Trên lãnh thổ Việt Nam, nhiệt độ vượt chuẩn từ 0 đến 1°C ở phía Bắc và vượt từ 0 đến 0,5°C ở phía Nam (Hình 2.5).

Lượng mưa: Kết quả dự báo của IRI cho thấy, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích Trung Quốc, Tây Nam Ấn Độ, hầu hết diện tích Indônêxia và Malaixia với xác suất từ 40 đến 70%. Theo kết quả dự báo của ECMWF, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn từ 0 đến trên 200mm ở đại bộ phận diện tích Nam Á; vượt chuẩn từ 0 đến 100mm ở một phần nhỏ diện tích thuộc Trung Quốc, Đông Ấn Độ, phía Nam bán đảo Đông Dương và một phần nhỏ diện tích Philippin. Trên lãnh thổ Việt Nam, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn từ 50 đến 100mm ở Bắc Bộ; vượt chuẩn từ 50 đến 100mm ở Tây Nguyên và Nam Bộ (Hình 2.6).



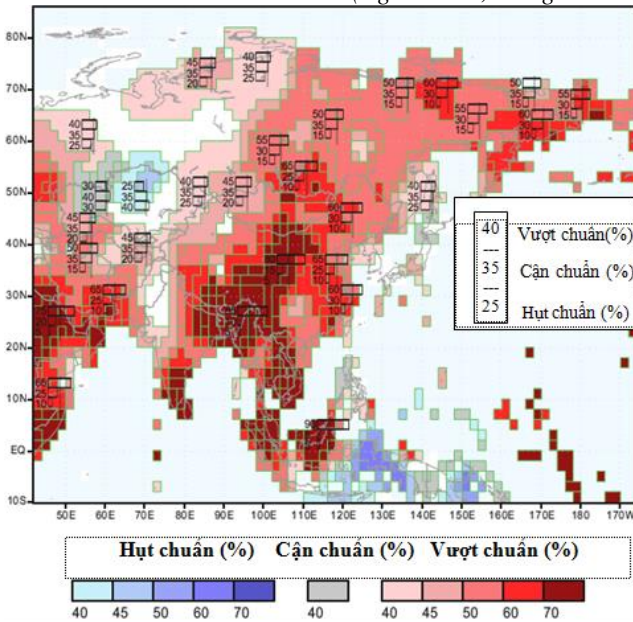
Hình 2.1. Dự báo SSTA (°C) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



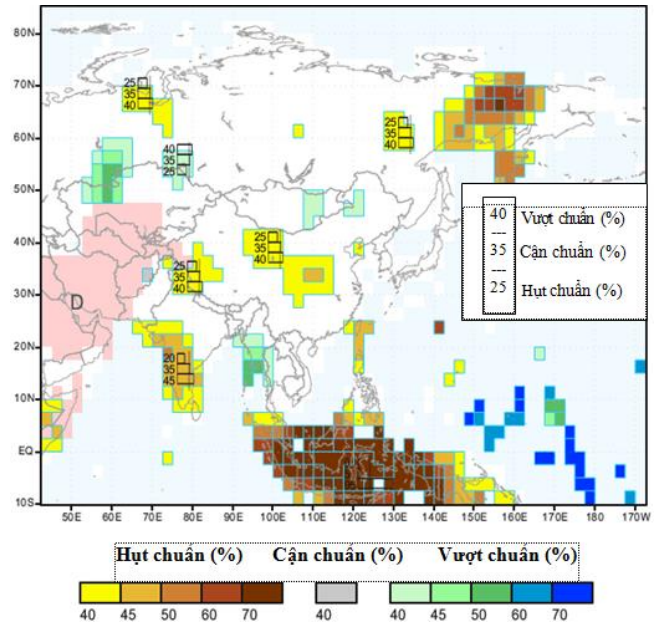
Hình 2.2. Dự báo SSTA (°C) tại NINO3

(Nguồn: ECMWF, tháng VI/2015)



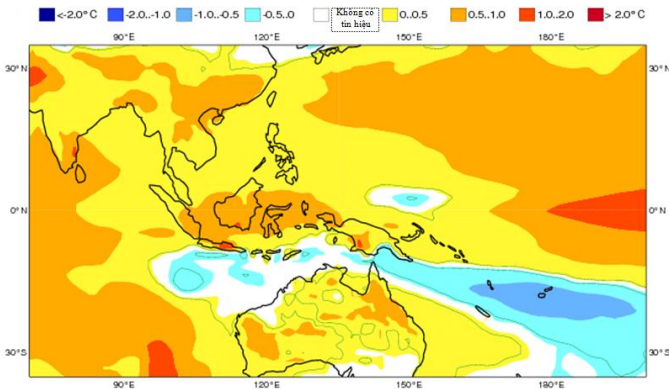
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng VII-IX năm 2015 cho khu vực châu Á

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



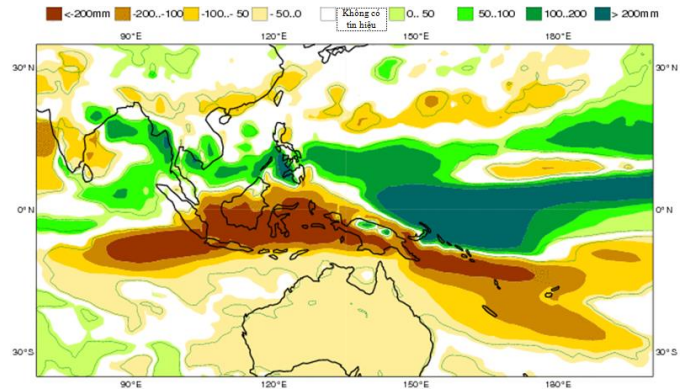
Hình 2.4. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015 cho khu vực châu Á

(Nguồn: IRI, tháng VI/2015)



Hình 2.5. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ (°C) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015

(Nguồn: ECMWF, tháng VI/2015)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) mùa 3 tháng VII-IX năm 2015

(Nguồn: ECMWF, tháng VI/2015)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Trong mùa 3 tháng VII-IX/2015, nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; hụt chuẩn xảy ra chủ yếu ở khu vực ven biển Bắc Bộ với xác suất 66 - 77%. Chuẩn sai nhiệt độ chủ yếu dao động từ -0,5 đến 1°C (Hình 2.7).

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và một phần diện tích Đông Nam Bộ với xác suất từ 55 đến 77%; vượt chuẩn ở đại bộ phận diện tích phía Bắc và đa phần diện tích Tây Nam Bộ với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động trong khoảng từ -200 đến 200mm ở hầu hết diện tích cả nước (Hình 2.8). Dự báo về lượng mưa của ECMWF cho khu vực Việt Nam ngược với mô hình dự báo của Viện KTTV&BDKH cho Việt Nam.

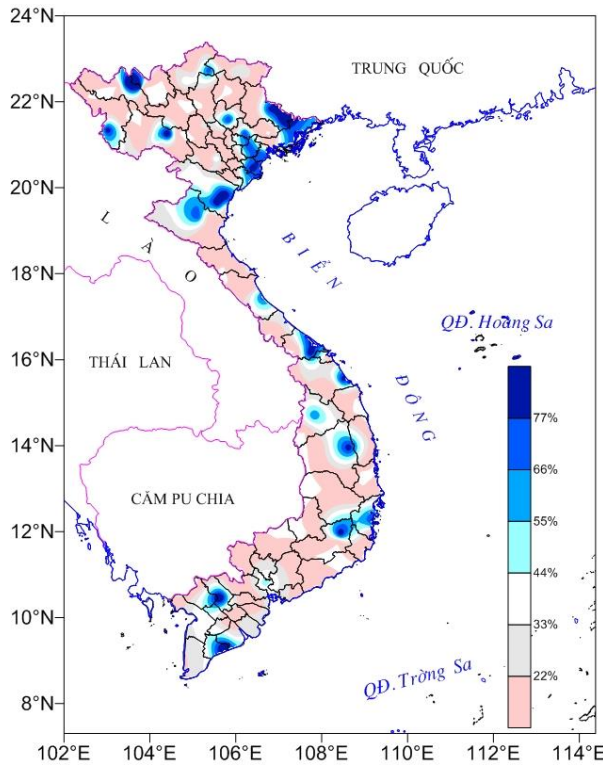
2.2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VII-IX trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 5 - 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

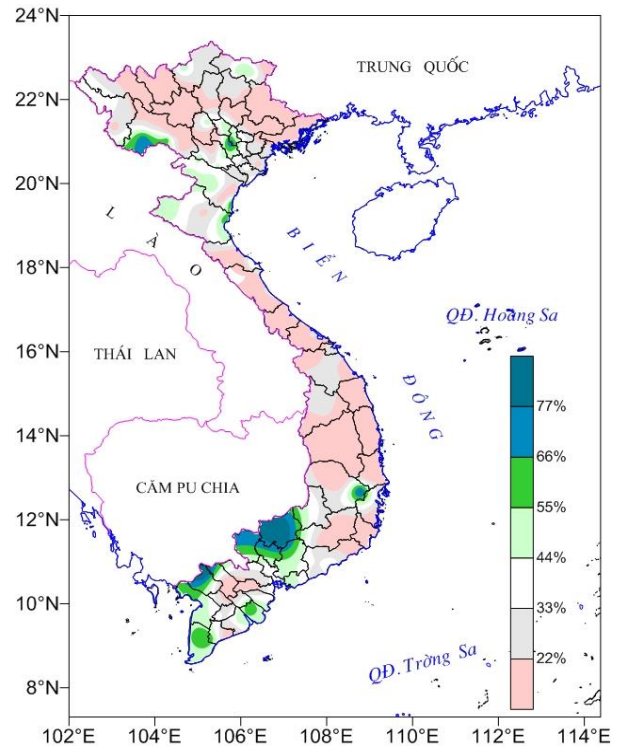
Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VII-IX.

Tổng hợp các dự báo về diễn biến của ENSO, khí hậu của các Trung tâm dự báo lớn trên thế giới và phân tích các sản phẩm dự báo khí hậu của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, có thể đưa ra một số nhận định sau cho mùa 3 tháng VII-IX/2015:

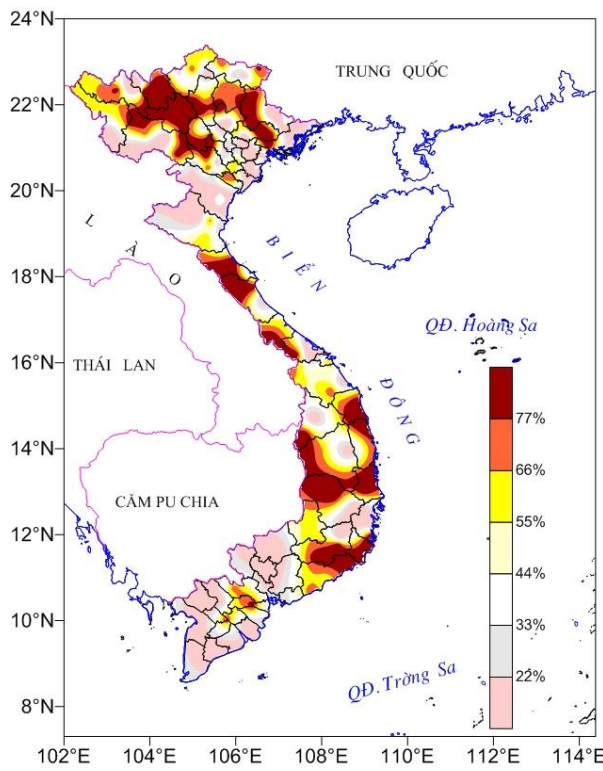
- El Nino tiếp tục duy trì và có khả năng mạnh lên trong các tháng tiếp theo;
- Nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn từ 0,5 đến trên 1°C trên hầu hết diện tích cả nước;
- Lượng mưa có khả năng hụt đến cận chuẩn trên hầu hết diện tích cả nước, với chuẩn sai chủ yếu dao động trong khoảng từ -200 đến 200mm.



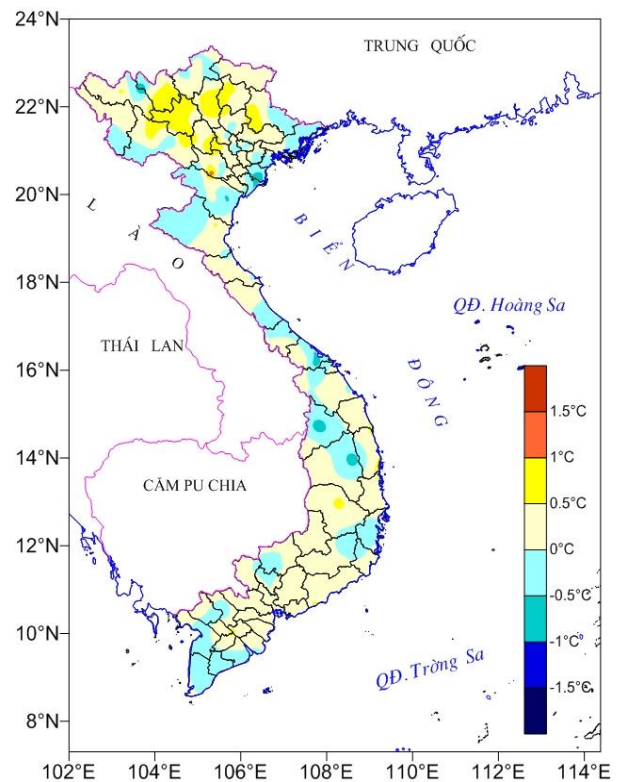
a) Xác suất hụt chuẩn (%)



b) Xác suất cận chuẩn (%)

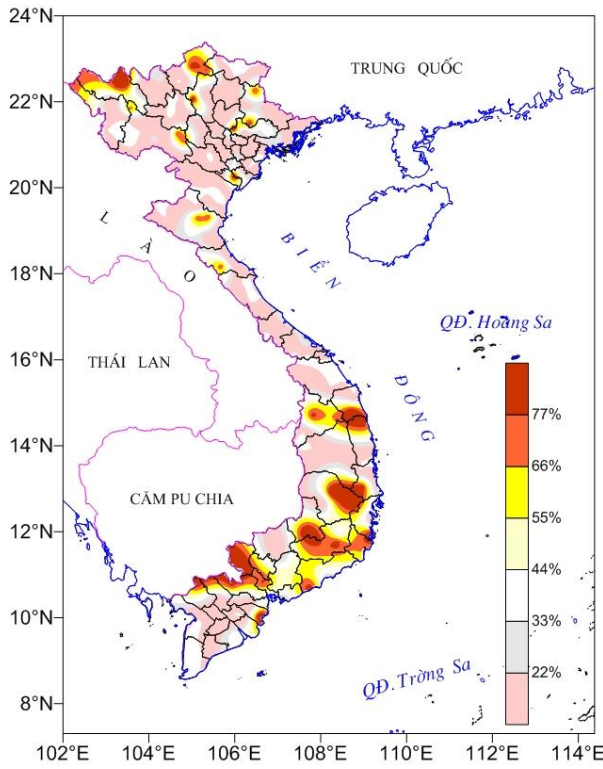


c) Xác suất vượt chuẩn (%)

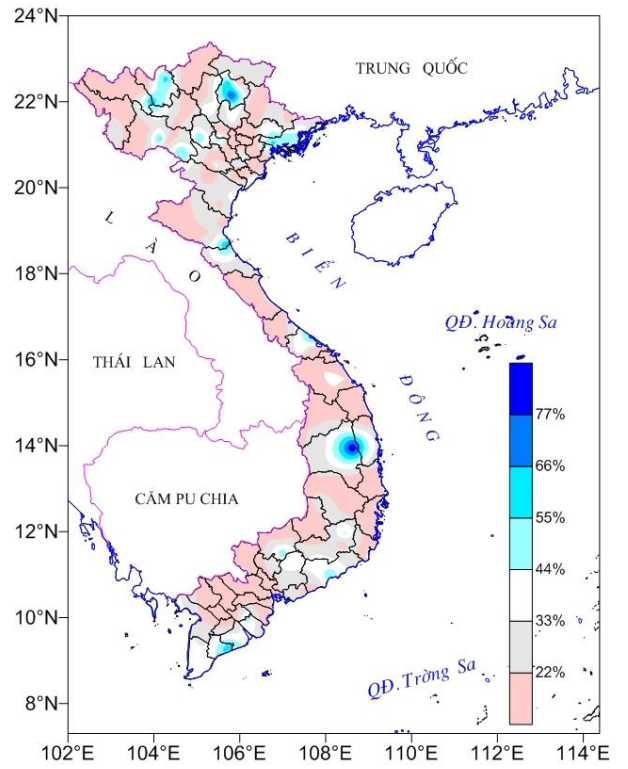


d) Chuẩn sai (°C)

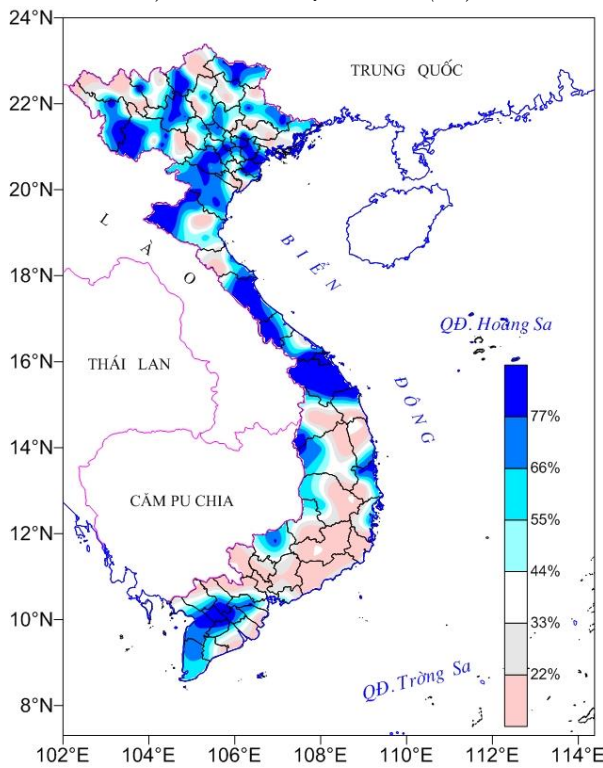
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng VII-IX năm 2015



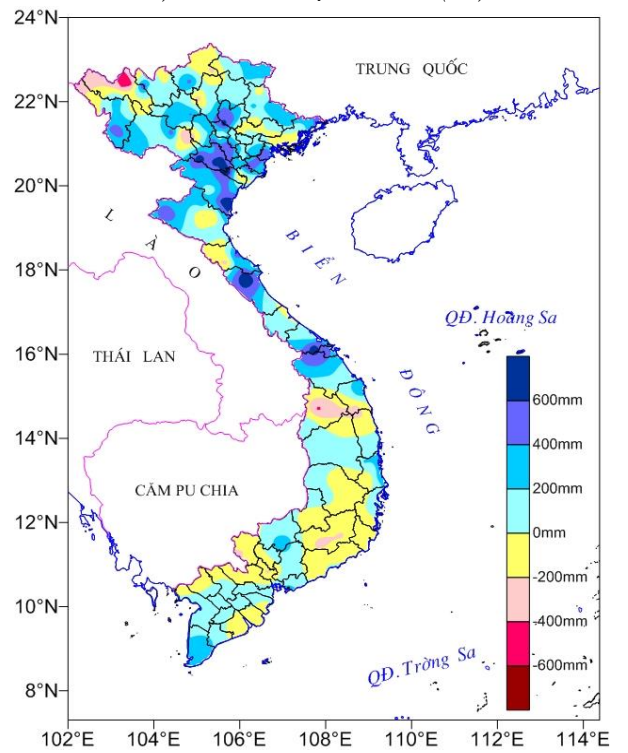
a) Xác suất hụt chuẩn (%)



b) Xác suất cận chuẩn (%)



c) Xác suất vượt chuẩn (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng VII-IX năm 2015

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc									
1	Mường Tè	25,8	12	26,1	35	1063,1	75	1355,1	0
2	Sìn Hồ	19,2	0	19,5	82	1228,8	81	1420,5	6
3	Lai Châu	26,2	0	26,4	67	908,2	0	1069,2	91
4	Điện Biên	25,2	91	25,5	0	662,2	0	862,8	67
5	Tuần Giáo	24,5	0	24,9	67	635,2	0	820,7	83
6	Sơn La	24,4	0	24,7	73	598,2	0	694,6	80
7	Quỳnh Nhai	26,7	0	27,1	83	742,4	73	878,2	0
8	Sông Mã	25,6	13	25,9	13	454,1	0	629,5	86
9	Yên Châu	26,1	27	26,5	13	527,1	0	665,9	86
10	Mộc Châu	22,2	0	22,5	89	735,2	14	945,8	29
Đông Bắc Bộ									
1	Sa Pa	19,1	0	19,3	83	1054,0	0	1365,0	85
2	Hà Giang	27,0	0	27,3	75	1069,5	83	1220,0	0
3	Bắc Quang	27,0	42	27,4	33	1743,9	0	2126,7	100
4	Cao Bằng	26,2	30	26,4	15	571,4	0	769,7	69
5	Lạng Sơn	26,1	82	26,5	0	498,3	0	648,5	72
6	Tuyên Quang	27,6	0	28,0	83	662,3	50	831,1	6
7	Thái Nguyên	27,7	85	28,0	0	842,1	6	1076,5	56
8	Yên Bái	27,2	0	27,6	92	801,4	0	1111,3	79
9	Móng Cái	27,3	100	27,7	0	1177,2	10	1451,9	55
10	Bãi Cháy	27,6	9	27,9	73	876,1	41	1132,1	27
Đồng Bằng Bắc Bộ									
1	Vĩnh Yên	28,3	17	28,7	33	618,2	8	835,3	75
2	Việt Trì	27,9	14	28,3	79	614,1	21	781,2	57
3	Bắc Giang	28,3	80	28,4	0	612,5	0	790,8	92
4	Láng	28,2	23	28,7	23	671,5	0	937,2	79
5	Hải Dương	28,2	75	28,4	0	598,4	0	784,8	87
6	Hoà Bình	27,6	0	28,0	92	747,9	0	1126,6	82
7	Phù Liên	27,6	70	27,8	0	727,5	0	918,0	77
8	Nam Định	28,3	58	28,6	5	662,4	0	990,4	86
9	Thái Bình	28,0	82	28,3	0	638,8	0	973,0	86
10	Ninh Bình	28,2	0	28,5	71	727,8	91	967,9	0

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất hụt chuẩn (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất vượt chuẩn (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

Bảng 2.1. (tiếp theo)

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1 (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Bắc Trung Bộ									
1	Thanh Hoá	28,0	93	28,4	0	694,4	0	956,7	65
2	Bãi Thượng	27,5	40	27,9	7	740,1	0	990,6	75
3	Vinh	28,2	22	28,6	28	612,9	7	972,9	29
4	Trương Dương	27,1	27	27,4	27	466,0	0	699,3	100
5	Hà Tĩnh	28,1	0	28,5	90	713,9	0	932,3	68
6	Tuyên Hoá	27,7	0	28,1	100	692,3	0	972,9	91
7	Đông Hới	28,3	75	28,7	0	544,8	0	723,9	75
8	Đông Hà	28,3	100	28,6	0	438,1	15	679,1	15
9	Huế	28,2	75	28,7	0	377,3	35	794,7	21
10	A Lưới	24,0	0	24,4	86	626,4	0	864,4	63
Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	28,4	5,9	28,6	65	377,1	0	584,1	92
2	Tam Kỳ	28,1	88	28,3	0	329,6	0	518,2	100
3	Trà My	26,5	0	26,7	75	595,3	0	832,3	100
4	Quảng Ngãi	28,2	0	28,4	83	423,7	0	602,5	77
5	Ba Tơ	27,3	0	27,6	100	465,9	100	599,4	0
6	Quy Nhơn	29,2	0	29,6	79	281,5	0	383,7	77
7	Tuy Hoà	28,4	7	28,6	80	244,6	11	338,0	67
8	Sơn Hoà	27,7	0	28,1	100	324,6	83	418,1	0
9	Nha Trang	27,9	85	28,2	0	186,3	0	304,1	82
10	Trường Sa	28,0	0	28,2	71	653,3	0	790,2	86
Tây Nguyên									
1	Kon Tum	23,9	0	24,1	91	829,3	0	984,5	78
2	Đắk Tô	23,0	67	23,1	0	878,5	83	1047,4	0
3	Plâycu	22,1	13	22,3	67	1097,4	0	1278,9	69
4	Ayunpa	26,4	0	26,7	80	431,7	0	545,6	82
5	Buôn Ma Thuột	23,9	6	24,0	71	782,7	0	924,5	67
6	M'Đrak	25,3	17	25,5	0	382,9	100	458,5	0
7	Đắk Nông	22,6	0	22,8	63	1209,8	100	1324,3	0
8	Đà Lạt	18,3	89	18,6	0	678,6	33	807,0	20
9	Liên Khương	21,4	0	21,7	92	551,7	83	672,6	0
10	Bảo Lộc	21,7	0	22,1	83	1115,9	67	1276,6	0
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	26,9	5	27,1	53	480,3	24	569,2	24
2	Phước Long	25,2	0	25,5	11	1252,2	0	1346,4	80
3	Tân Sơn Hoà	27,2	50	27,4	14	819,2	80	938,3	7
4	Vũng Tàu	26,3	25	27,5	19	580,9	6	734,7	65
5	Mỹ Tho	26,9	0	27,1	86	564,0	0	653,5	83
6	Cần Thơ	26,6	0	26,8	80	619,2	0	771,3	100
7	Rạch Giá	27,6	38	27,8	10	859,5	0	1042,5	79
8	Phú Quốc	27,1	0	27,4	83	1343,5	20	1534,4	20
9	Sóc Trăng	26,8	25	27,1	25	765,1	40	870,4	27
10	Cà Mau	27,0	29	27,2	7	966,7	0	1134,6	67

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

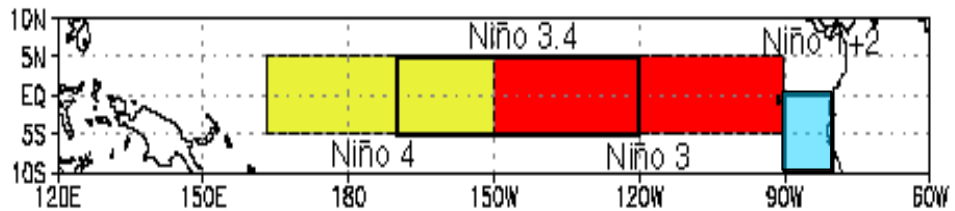
El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD

là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W, Để xác định các hiện tượng



El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO.